

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12-7-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Doãn Thị Lệ

2. Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Huy Hậu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số xx đường số xx, Phường xx, Quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978. Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023, văn bản trình bày ngày 25/5/2023, các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND phường I vào năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình trạng này kéo dài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nên cả hai đã không còn chung sống khoảng 06 năm và không còn quan tâm tới nhau.

Trong thời gian không chung sống, bà H trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Đức Ph, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 25/8/2016, và ông D không đến thăm con cũng như cấp dưỡng nuôi con. Do đó, việc ông D có nguyện vọng được nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Th thì bà H không đồng ý vì các lý do sau:

- Hiện nay cả hai con đang sống ổn định cùng với bà H. Việc tách hai con giao cho bà H và ông D mỗi người nuôi dưỡng một con thì sẽ gây ra xáo trộn rất nhiều trong cuộc sống của hai cháu. Ngoài ra, cháu Thư là nữ nên khi đến độ tuổi dậy thì, có nhiều thay đổi về tâm sinh lý thì bà H là nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn.

- Bà H làm quản lý điều hành của các chuỗi khách sạn là Công ty TNHH Đức Phú Gia Sài Gòn, Công ty Cổ Phần Đức Phú Gia, Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Phú Lộc Thịnh là chủ sở hữu từ Đà Nẵng, Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh... với mức lương cơ bản theo các Hợp đồng lao động tổng cộng là 290.000.000 đồng/tháng, chưa tính các khoản thu nhập khác từ doanh thu nếu kinh doanh hiệu quả. Vì vậy, Bà H có việc làm và thu nhập ổn định.

- Hiện cháu Thư được bà H cho đi học tại Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Việt Úc, phí học mỗi tháng khoảng 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H còn cho cháu Thư học thêm các môn năng khiếu và kỹ năng khác như học múa, học bơi, học vẽ, học đàn ... với chi phí cho các môn ngoại khóa này khoảng 50.000.000 đồng/tháng.

- Bà H và các con đã sinh sống ổn định tại địa chỉ: Phường P, Quận xx, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H khẳng định các con được bà chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và đảm bảo cho con được phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cũng như được hưởng một phương pháp giáo dục tốt nhất hiện nay. Bà H đủ điều kiện về kinh tế nên không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, bà H không đồng ý giao con cho ông D được nuôi.

Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với Ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Đức Ph, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 25/8/2016. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn phản tố ngày 19/4/2023, các lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn là Ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông Nguyễn Văn D thống nhất với ý kiến của Bà Nguyễn Thị H trình bày về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn.

Ông D thừa nhận quá trình chung sống đến nay, ông D và bà H đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại ông D và bà H cũng đã không chung sống khoảng 06 năm và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Ông D thống nhất với ý kiến của bà H về việc vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Đức Ph, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 25/8/2016. Trong thời gian vợ chồng không chung sống, các con sống chung với bà H.

Nay, ông D nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với bà H.

Việc bà H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung là ảnh hưởng tới quyền lợi chính đáng và hợp pháp của ông D. Hiện tại thu nhập hàng tháng của ông D đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng một trong hai con. Vì vậy, ông D có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Th. Ông D không yêu cầu tòa án giải quyết việc đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 08/5/2023 đối với con chung đủ bảy tuổi là cháu Nguyễn Văn Đức Ph trình bày:

Cháu Nguyễn Văn Đức Ph có nguyện vọng được sống chung với mẹ trong trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ của cháu ly hôn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Về nội dung vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc có nguyện vọng được nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Th.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Bà Nguyễn Thị H và Ông Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông D là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông D đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống khoảng 06 năm và không còn quan tâm tới nhau. Ông D đồng ý ly hôn với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định hôn nhân của bà H và ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung:

[3.1] Bà H và ông D thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Đức Ph, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 25/8/2016. Hiện các con sống chung với bà H.

Tuy nhiên, bà H và ông D không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con sau khi ly hôn. Bà H có nguyện vọng nuôi cả hai con. Ông D cho rằng việc bà H nuôi cả hai con là ảnh hưởng tới quyền lợi chính đáng và hợp pháp của ông và ông D có nguyện vọng nuôi một con chung là cháu Thu.

[3.2] Tại Đơn xin xác nhận đề ngày 25/5/2023 có xác nhận của Tổng Giám đốc CTCP Dịch vụ Tư vấn kinh doanh bất động sản Toàn Cầu xác nhận ông D có chức vụ: Phó Giám đốc của công ty và có mức lương 03 tháng liền kề là tháng 02, 3 và 4/2023 là 200.000.000 đồng.

Theo các tài liệu: Hợp đồng lao động ngày 01/3/2019 của Công ty TNHH MTV DL Đức Phú Gia thì bà H có mức lương là 120.000.000 đồng (bút lục 43-44), Hợp đồng lao động ngày 10/3/2021 của Công ty TNHH Đầu tư và Thương

mai Phú Lộc Thịnh thì bà H có mức lương là 100.000.000 đồng (bút lục 45-46) và Hợp đồng lao động ngày 10/3/2021 của Công ty TNHH Đức Phú Gia Sài Gòn thì bà H có mức lương là 70.000.000 đồng (bút lục 47-48).

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà H và ông D đều có việc làm và thu nhập để nuôi con.

[3.3] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy trong khoảng thời gian bà H và ông D không chung sống là 06 năm, các con sống chung với bà H và đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an Phường 12, Quận 10, thành phố Hồ chí Minh (bút lục số 69).

Căn cứ vào các tài liệu: Giấy xác nhận của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Việt Úc và 07 ủy nhiệm chi của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có nội dung đóng tiền học phí (từ bút 59-68) thì có căn cứ xác định cháu Nguyễn Hoàng Anh Th hiện đang học lớp 1.RS.1a cơ sở Riverside, Trường Tiểu học, trung học cơ sở và Trung học phổ thông Việt Úc năm học 2022-2023 và bà H là người đóng học phí cho cháu.

Ngoài ra, con chung là cháu Nguyễn Văn Đức Ph có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà H

Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định các con vẫn được bà H chăm sóc tốt và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con.

[3.4] Ông D có nguyện vọng nuôi cháu Thư nhưng vắng mặt tại phiên tòa; ngoài tài liệu thể hiện ông có thu nhập từ lương là 200.000.000 đồng/tháng thì không nộp tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con thì hiện nay bà H có điều kiện tốt hơn so với ông D khi là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con cho bà H được trực tiếp nuôi. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận; yêu cầu được nuôi con chung của ông D không chấp nhận.

[3.5] Bà H không yêu cầu ông D phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:

Bà H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với Ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung:

- Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Đức Ph, sinh ngày 10/5/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 25/8/2016 cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí:

Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003245 ngày 20/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Gia Lai;
 - VKSND tp Pleiku;
 - Chi cục THADS tp Pleiku;
 - UBND phường I – tp Pleiku
- (Giấy CNKH số xx ngày 19-7-2011);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên